

Số: **2293** /BHXH-KHĐT
V/v: "Hướng dẫn lập dự toán
thu, chi năm 2015"

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2014

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Văn phòng;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;
- Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn lập dự toán thu, chi năm 2015 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2014

Để có căn cứ lập dự toán thu, chi năm 2015, yêu cầu các đơn vị đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi năm 2014 theo các nội dung cụ thể sau:

1. Đối với Bảo hiểm xã hội (BHXH) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh)

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu

a) Thu BHXH bắt buộc

- Trên cơ sở thực hiện 6 tháng đầu năm, ước thực hiện dự toán thu cả năm 2014. Phân tích các yếu tố tăng, giảm số đối tượng tham gia đóng BHXH bắt buộc; quỹ lương và mức lương bình quân tham gia BHXH theo các mức đóng và theo từng khối quản lý: doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xác định số đơn vị và số lao động thuộc diện bắt buộc tham gia BHXH, nhưng thực tế chưa tham gia, nêu rõ nguyên nhân.

- Nêu những khó khăn, thuận lợi và các biện pháp khắc phục, khả năng phấn đấu hoàn thành dự toán thu BHXH bắt buộc năm 2014.

b) Thu BHXH tự nguyện

- Đánh giá mức độ thực hiện dự toán thu năm 2014 trên cơ sở phân tích tình hình tăng, giảm số đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, mức đóng bình quân của các đối tượng tham gia BHXH tự nguyện.

- Nêu những khó khăn, thuận lợi và các biện pháp khắc phục, khả năng phấn đấu hoàn thành dự toán thu BHXH tự nguyện năm 2014.

c) Thu BHTN

- Đánh giá mức độ thực hiện dự toán thu năm 2014 trên cơ sở phân tích tình hình tăng, giảm số đối tượng tham gia BHTN (cụ thể cho từng nhóm đối tượng), mức đóng góp bình quân của các đối tượng tham gia BHTN; tình hình nợ đọng BHTN trên địa bàn, trong đó nêu rõ số tiền Ngân sách nhà nước nợ (bao gồm ngân sách địa phương và ngân sách trung ương).

- Nêu những khó khăn, thuận lợi và các biện pháp khắc phục, khả năng phấn đấu hoàn thành dự toán thu cả năm.

d) Thu BHYT

- Đánh giá mức độ thực hiện dự toán thu năm 2014 trên cơ sở phân tích tình hình tăng, giảm số đối tượng đóng BHYT; quỹ lương và mức lương bình quân tham gia BHYT theo các mức đóng và theo từng khối quản lý: doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm so với số thực hiện của năm 2013 và ước thực hiện năm 2014 theo từng khối quản lý.

- Đánh giá tình hình triển khai Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn; nêu rõ những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện thu BHYT đối với các đối tượng tự nguyện tham gia; phân tích chi tiết theo từng loại đối tượng tham gia.

- Báo cáo cụ thể về các đối tượng học sinh, sinh viên (HSSV), đối tượng người nghèo, cận nghèo, đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi tham gia BHYT (trong đó số đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ); đánh giá khả năng thực hiện năm 2014, phân tích nguyên nhân cụ thể, yếu tố tác động chậm đóng BHYT cho đối tượng HSSV, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo và cận nghèo, nêu rõ số tiền NSNN nợ chưa đóng BHYT cho các đối tượng này.

e) Đánh giá tình hình nợ đọng và xử lý nợ BHXH, BHYT năm 2014

- Các địa phương chủ động tìm mọi biện pháp tăng thu, giảm nợ và khắc phục ngay tình trạng các tháng đầu và giữa quý có tỷ lệ thu thấp, tỷ lệ nợ cao. Phấn đấu số nợ năm 2014 giảm hơn so với thời điểm cuối năm 2013.

- Xác định số nợ đến 31/12/2013, dự kiến số nợ thời điểm 31/12/2014. Tổng hợp và phân tích số nợ theo các nội dung: Nợ BHXH, nợ BHYT, nợ BHTN; nợ do chủ sử dụng lao động nợ; nợ do ngân sách (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) nợ; nợ dưới 6 tháng, nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm, nợ trên một năm; nguyên nhân của tình hình nợ đọng.

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi BHXH, BHYT, BHTN

a) Chi BHXH bắt buộc (nguồn NSNN và nguồn quỹ), chi BHXH tự nguyện, chi BHTN

- Căn cứ tình hình đối tượng hưởng và chi trả BHXH 6 tháng đầu năm, ước thực hiện đối tượng hưởng và chi trả cả năm 2014 theo từng nguồn kinh phí (chi tiết cho từng loại đối tượng theo quỹ thành phần), phân tích tình hình biến động

tăng, giảm đối tượng và nguyên nhân chính tác động đến việc tăng, giảm đối tượng, tăng giảm chi trả chế độ BHXH.

- Báo cáo tình hình thực hiện chi trợ cấp BHXH theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu (Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg), cụ thể số người hưởng, tổng số tiền chi trả để BHXH Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính bổ sung kinh phí theo đúng quy định.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn vướng mắc khi thực hiện công tác quản lý đối tượng và chi BHXH của địa phương.

- Đánh giá tình hình thực hiện chi BHTN năm 2014 (chi tiết số lượt người hưởng trợ cấp thất nghiệp, số tiền của đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp 3 tháng, 6 tháng) trên cơ sở phân tích tình hình biến động tăng, giảm đối tượng, những nguyên nhân chính tác động đến việc tăng, giảm đối tượng; nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm giới thiệu việc làm khi thực hiện chính sách BHTN tại địa phương.

b) Đánh giá thực hiện chi khám, chữa bệnh (KCB) BHYT

- Trên cơ sở chi KCB BHYT 6 tháng đầu năm, ước thực hiện chi KCB BHYT và khả năng cân đối quỹ KCB BHYT năm 2014. Đánh giá công tác chi KCB BHYT tại tỉnh, so sánh với dự toán được giao. Nêu rõ những thuận lợi và khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn; đồng thời đề xuất giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Xác định mức độ bội chi quỹ KCB (nếu có) và phân tích cụ thể những nguyên nhân tác động đến tình trạng bội chi quỹ (chủ quan và khách quan).

- BHXH tỉnh xác định mức tăng chi phí KCB của từng cơ sở KCB và tổng hợp, đánh giá mức độ tăng chi phí KCB chung trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó dự báo mức độ tăng chi phí KCB cả năm 2014 theo Mẫu số 21/BHYT ban hành theo Quyết định số 82/QĐ-BHXH ngày 20/01/2010 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam quy định về tổ chức thực hiện hợp đồng KCB, giám định, chi trả chi phí KCB, quản lý và sử dụng quỹ BHYT (Quyết định số 82/QĐ-BHXH).

1.3. Đánh giá thực hiện chi quản lý bộ máy

- a) Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi quản lý bộ máy năm 2014 theo các nội dung, mức tạm giao dự toán và các nội dung chi tại Văn bản số 1377/BHXH-KHTC ngày 23/4/2014 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện dự toán thu, chi năm 2014, cụ thể:

- Chi thường xuyên: chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương tính theo số biên chế thực có trong phạm vi biên chế được giao cho BHXH các tỉnh, các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam (bao gồm cả lương cơ bản và lương bổ sung); chi quản lý hành chính. Báo cáo tình hình thực

hiện chi theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi thường xuyên đặc thù: chi phục vụ công tác thu; chi in sổ BHXH, BHYT, chi phí in, mua biểu mẫu, chứng từ, báo cáo dùng cho chuyên môn; chi tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN; chi lệ phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp thất nghiệp (bao gồm cả lệ phí chi trả do NSNN cấp).

- Chi không thường xuyên: chi thuê bao đường truyền được bố trí trong dự toán giao đầu năm; chi thuê trụ sở làm việc.

b) Báo cáo tình hình tiết kiệm kinh phí chi quản lý bộ máy, tình hình tiết kiệm 10% chi thường xuyên, trong đó nêu cụ thể kết quả thực hiện cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết để tập trung nguồn đảm bảo chi cho các nhiệm vụ mới phát sinh. Riêng những nhiệm vụ đã bố trí chi trong kế hoạch mà chưa thực hiện phải chuyển năm sau thì không được tính là số tiết kiệm.

c) Đánh giá tình hình thực hiện biên chế được giao năm 2014 và báo cáo cụ thể số biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2014 của đơn vị.

1.4. Đánh giá thực hiện chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB)

Đánh giá tình hình triển khai công tác đầu tư XDCB của đơn vị theo quy định của Nhà nước từ khâu lập báo cáo đầu tư đến các khâu thực hiện đầu tư và quyết toán công trình; tình hình thực hiện Quyết định số 359/QĐ-BHXH ngày 11/02/2010 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc phân cấp và uỷ quyền trong quản lý đầu tư xây dựng công trình của Ngành BHXH và Quyết định số 53/QĐ-BHXH ngày 15/1/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 359/QĐ-BHXH; Quyết định số 26/QĐ-BHXH ngày 08/1/2014 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về quyết định quản lý và thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong hệ thống BHXH Việt Nam (Quyết định số 26/QĐ-BHXH).

2. Đối với BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân

- Tình hình thực hiện thu BHXH, BHYT, BHTN: Nêu kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác thu BHXH, BHYT, BHTN.

- Tình hình thực hiện chi BHXH, BHYT, BHTN: Đánh giá tình hình thực hiện chi trả các chế độ BHXH, BHYT, chi ốm đau, thai sản, bao gồm: Nghỉ việc do ốm đau, thai sản; nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe (DSPHSK) sau ốm đau, thai sản và sau khi điều trị ổn định thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ-BNN) cho người lao động; chi trả trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng và một lần, chi trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình cho người bị TNLĐ-BNN hàng tháng và các chế độ BHXH một lần cho người lao động (trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, xuất ngũ, thôi việc; mai táng phí, tuất một lần; trợ cấp TNLĐ-BNN một lần, trợ cấp khu vực một lần).

- Tình hình thực hiện kinh phí hỗ trợ quản lý BHXH căn cứ theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 11, Điều 12 của Thông tư số 134/2011/TT-BTC ngày 30/9/2011 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tài chính đối với BHXH Việt Nam (Thông tư số 134/2011/TT-BTC).

3. Đối với Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Đánh giá tình hình thực hiện kinh phí chi hoạt động quản lý BHTN theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 134/2011/TT-BTC.

- Ngoài ra, căn cứ vào tình hình giải quyết thất nghiệp 6 tháng đầu năm 2014, ước thực hiện cả năm 2014, phân tích số liệu về số lượt người hưởng trợ cấp thất nghiệp 3 tháng, 6 tháng.

Yêu cầu các đơn vị tổ chức đánh giá kỹ tình hình thực hiện dự toán thu, chi năm 2014: Đánh giá các kết quả đạt được trong năm 2014 so với các chỉ tiêu dự toán thu, chi năm 2014. Phân tích làm rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, tồn tại để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu dự toán được giao.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2015

Yêu cầu các đơn vị xây dựng dự toán thu, chi năm 2015 phải gắn với các nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của đơn vị; đúng chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước và trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; đảm bảo chính xác, sát thực và khả thi.

1. Căn cứ xây dựng dự toán

Để xây dựng dự toán thu, chi năm 2015 sát với những định hướng của Chính phủ, phù hợp với điều kiện quản lý của Ngành, yêu cầu các đơn vị lưu ý một số căn cứ khi xây dựng dự toán bao gồm:

- Luật BHXH, Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn thực hiện;
- Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra đến năm 2020 tại Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020;

- Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg, Thông tư số 134/2011/TT-BTC;

- Quyết định số 37/2012/QĐ-TTg ngày 07/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm mức chi tiền lương, thu nhập đối với ngành BHXH giai đoạn 2012-2015;

- Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động (Nghị định số 182/2013/NĐ-CP);

- Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Nghị định số 66/2013/NĐ-CP);

- Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc (Nghị định số 73/2013/NĐ-CP);

- Các văn bản quy định hiện hành về chính sách BHXH, BHYT của các Bộ, ngành liên quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện của BHXH Việt Nam;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản của Bộ, ngành liên quan;

- Tình hình thực hiện dự toán thu, chi năm 2013; ước thực hiện dự toán năm 2014 và khả năng thực hiện năm 2015 của đơn vị.

2. Nội dung xây dựng dự toán thu, chi năm 2015 đối với BHXH các tỉnh

2.1. Dự kiến số đối tượng tham gia và thụ hưởng các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, mức lương bình quân

a) Đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN

- BHXH tỉnh chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan rà soát các doanh nghiệp và đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

- Phối hợp với các Hội, đoàn thể vận động phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT tự nguyện.

- Phát triển đối tượng tham gia BHYT theo lộ trình quy định của Luật BHYT và mục tiêu kế hoạch tại Quyết định số 538/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/3/2013 về phê duyệt Đề án Thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020.

- Lưu ý một số nhóm đối tượng phải phấn đấu đạt tỷ lệ tham gia 100% như nhóm đối tượng học sinh, sinh viên; nhóm người nghèo, người cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi.... Bên cạnh đó, đề nghị BHXH các tỉnh báo cáo UBND tỉnh, thành phố để UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo các đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn phải tham gia BHTN cho tất cả viên chức theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Dự kiến đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN căn cứ vào số đơn vị sử dụng lao động, số lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN ước thực hiện năm 2014, thuyết minh chi tiết việc tăng, giảm đối tượng để có căn cứ xác định số đơn vị sử dụng lao động và số lao động tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2015.

b) Đối tượng hưởng BHXH, BHTN

- BHXH bắt buộc (nguồn NSNN đảm bảo và nguồn quỹ): đối tượng hưởng BHXH bắt buộc có 8 nhóm đối tượng và các đối tượng hưởng chế độ từ các quỹ bao gồm: quỹ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe; quỹ TNLĐ-BNN; quỹ hưu trí, tử tuất.

- BHXH tự nguyện: Dự kiến đối tượng hưởng BHXH tự nguyện chi tiết theo các chế độ: hưu trí; trợ cấp một lần; mai táng phí; tử tuất (bao gồm cả trợ cấp khu vực).

- BHTN: Căn cứ đối tượng tham gia BHTN ước thực hiện năm 2014, kết hợp với số liệu dự báo về tình hình phát triển kinh tế xã hội ở địa phương năm 2015, số liệu của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm giới thiệu việc làm để dự kiến số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp 3 tháng, 6 tháng, hỗ trợ học nghề và tư vấn tìm việc làm để phục vụ lập dự toán chi BHTN năm 2015.

2.2. Dự toán thu, chi BHXH bắt buộc

a) Thu BHXH bắt buộc

Dự toán thu BHXH bắt buộc được tổng hợp theo từng khoản thu, chi tiết theo từng nhóm đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và mức thu bình quân theo từng nhóm đối tượng.

Căn cứ mức đóng và phương thức đóng quy định tại Quyết định số 1111/QĐ-BHXH ngày 25/10/2011 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý thu BHXH, BHYT; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT (Quyết định số 1111/QĐ-BHXH).

b) Chi BHXH bắt buộc

Dự toán chi BHXH bắt buộc được tổng hợp theo từng khoản chi, chi tiết theo từng nhóm đối tượng được hưởng và mức chi bình quân theo từng nhóm đối tượng.

- Chi BHXH bắt buộc nguồn NSNN đảm bảo: Xây dựng dự toán chi BHXH bắt buộc nguồn NSNN đảm bảo chi tiết theo từng nội dung chi: chi đóng BHYT; lương hưu; công nhân cao su; mất sức lao động; trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động; trợ cấp TNLĐ-BNN; trợ cấp thâm niên nhà giáo theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg; trợ cấp người phục vụ; tử tuất; mai táng phí; trang cấp dụng cụ chỉnh hình; phụ cấp khu vực; lệ phí chi trả.

- Chi BHXH bắt buộc từ quỹ BHXH: Xây dựng dự toán chi theo các quỹ thành phần bao gồm: quỹ ốm đau, thai sản; quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, quỹ hưu trí và tử tuất.

2.3. Dự toán thu, chi BHXH tự nguyện

a) Thu BHXH tự nguyện

Dự toán thu BHXH tự nguyện chi tiết theo từng nhóm đối tượng tham gia BHXH tự nguyện và mức thu bình quân theo từng nhóm đối tượng, căn cứ mức

đóng, tỷ lệ đóng và phương thức đóng theo Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28/12/2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện và Quyết định số 1111/QĐ-BHXH để xây dựng dự toán thu BHXH tự nguyện.

b) Chi BHXH tự nguyện

Dự toán chi BHXH tự nguyện tổng hợp theo các nội dung chi đóng BHYT, lương hưu, trợ cấp một lần, mai táng phí, tử tuất và phụ cấp khu vực, chi tiết theo đối tượng hưởng BHXH tự nguyện và mức chi bình quân theo đối tượng.

2.4. Dự toán thu, chi BHTN

a) Thu BHTN

Dự toán thu BHTN bằng tổng số thu của người lao động và người sử dụng lao động đóng BHTN, thu lãi phạt chậm đóng và số thu NSNN hỗ trợ, chi tiết theo từng nhóm đối tượng tham gia BHTN và mức thu bình quân theo từng nhóm đối tượng, căn cứ theo mức đóng và đối tượng đóng quy định tại Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHTN, Quyết định số 1111/QĐ-BHXH.

Phân tích chi tiết thu BHTN từ người lao động, từ chủ sử dụng lao động, NSNN (chi tiết ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) hỗ trợ đóng.

b) Chi BHTN

Dự toán chi BHTN theo các nội dung chi đóng BHYT; trợ cấp thất nghiệp: chi tiết số người, số tiền của đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp 3 tháng, 6 tháng, trợ cấp thất nghiệp một lần; hỗ trợ học nghề; tư vấn tìm việc làm và mức chi bình quân theo từng nhóm đối tượng.

2.5. Dự toán thu, chi BHYT

Ngày 13/6/2014, tại kỳ họp thứ 07, Quốc hội khóa XIII, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 25/2008/QH12 và có hiệu lực thi hành từ 01/1/2015. Vì vậy, yêu cầu các đơn vị lập dự toán thu, chi BHYT năm 2015 theo 2 phương án (thuyết minh cơ sở lập dự toán thu, chi BHYT theo từng phương án) như sau :

2.5.1. Phương án 1: Theo quy định hiện hành

a) Thu BHYT

Dự toán thu BHYT theo mức đóng quy định (bao gồm cả phần NSNN hỗ trợ theo quy định) và thu lãi phạt chậm đóng, chi tiết theo từng nhóm đối tượng tham gia BHYT và mức thu bình quân theo từng nhóm đối tượng, căn cứ vào mức đóng, tỷ lệ đóng quy định cho từng nhóm đối tượng cụ thể tại Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của liên Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT (Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC), Quyết định số 1111/QĐ-BHXH.

Dự toán nêu rõ số thu do NSNN (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) đóng và hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng.

b) Chi KCB BHYT

Căn cứ các quy định về KCB BHYT tại Luật BHYT; Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT; Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC và Quyết định số 82/QĐ-BHXH; Căn cứ giá dịch vụ kỹ thuật mới tại địa phương được xây dựng (đã được phê duyệt hoặc đang xây dựng) theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC và Văn bản số 1513/BHXH-CSYT ngày 20/4/2012 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn triển khai Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC; căn cứ tình hình thực hiện KCB BHYT năm 2014 để lập dự toán chi 2015 và phân tích chi tiết theo các nội dung chi: chi KCB BHYT theo 6 nhóm đối tượng (theo quy định tại Quyết định số 82/QĐ-BHXH), chi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV và mức chi BHYT bình quân theo từng nhóm đối tượng; thực hiện cân đối theo nguồn để xác định mức độ mất cân đối quỹ KCB BHYT.

2.5.2. Phương án 2: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT

Căn cứ các nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2014, tính toán các yếu tố và dự kiến số thu, kinh phí KCB BHYT tăng, giảm so với Luật BHYT và các văn bản hướng dẫn Luật hiện hành, từ đó xây dựng dự toán thu, chi BHYT năm 2015.

2.6. Dự toán chi quản lý bộ máy

Các đơn vị cần lập dự toán các khoản chi sát thực, chống thất thoát, lãng phí; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí công tác trong và ngoài nước. Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 295/QĐ-BHXH ngày 25/3/2013 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về ban hành chương trình hành động tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của BHXH Việt Nam.

a) Về biên chế

Lấy số biên chế được giao đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, bao gồm: Số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa được tuyển theo chỉ tiêu được giao, số lao động hợp đồng thực hiện theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

b) Xác định quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức chi tiền lương tính bằng 1,8 lần và mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng), bao gồm

- Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được giao, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (BHXH, BHTN, BHYT, kinh phí công đoàn).

- Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được giao nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/tháng, hệ số lương bình

quân của đơn vị, các khoản đóng góp theo chế độ (BHXH, BHTN, BHYT, kinh phí công đoàn).

- Quỹ tiền lương, phụ cấp của số lao động hợp đồng thực hiện theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được xác định tương tự như đối với số biên chế được giao, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán.

c) Các nội dung chi quản lý bộ máy

- Khi xây dựng dự toán các nội dung chi quản lý bộ máy năm 2015 căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2014, chương trình kế hoạch năm 2015 cũng như các quy định hiện hành của Nhà nước và các nội dung hướng dẫn tại Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 134/2011/TT-BTC. Căn cứ nội dung, định mức, chế độ chi tiêu hoạt động quản lý bộ máy, trích lập và sử dụng các quỹ tại Quyết định số 1288/QĐ-BHXH ngày 26/9/2012 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ đối với các đơn vị thuộc hệ thống BHXH Việt Nam, Quyết định số 354/QĐ-BHXH của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ngày 06/4/2012 về việc ban hành tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi quản lý bộ máy đối với BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc BHXH Việt Nam và Quyết định số 1749/QĐ-BHXH của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ngày 14/12/2012 sửa đổi một số nội dung của Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi quản lý bộ máy đối với BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc BHXH Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-BHXH; mức tiền lương, thu nhập tại Quyết định số 37/2012/QĐ-TTg, mức lương cơ sở 1.150.000 đồng/người/tháng, thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nội dung chi thường xuyên, chi thường xuyên đặc thù và chi không thường xuyên.

- Đối với lệ phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4 của Thông tư số 134/2011/TT-BTC.

- Đối với kinh phí chi theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP, ngoài việc tổng hợp kinh phí chung vào dự toán chi quản lý bộ máy của đơn vị, BHXH tỉnh báo cáo chi tiết nhu cầu kinh phí theo Biểu số 12 đính kèm Công văn này.

2.7. Kế hoạch vốn đầu tư XDCB

Lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 26/QĐ-BHXH và căn cứ theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB tại các địa phương, thuyết minh cụ thể tình hình giải ngân, triển khai các dự án ban đầu đầu tư đã được phê duyệt, các dự án đầu tư triển khai năm 2015.

3. Đối với BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân

- Căn cứ các nội dung hướng dẫn tại Mục 2, Phần II của Văn bản này để lập dự toán thu, chi BHXH, BHYT, BHTN năm 2015.

- Dự toán kinh phí hỗ trợ quản lý BHXH căn cứ theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 11, Điều 12 của Thông tư số 134/2011/TT-BTC và Quyết định số

1775/QĐ-BHXH ngày 27/12/2012 ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đối với hoạt động quản lý BHXH, BHYT của BHXH Bộ Quốc phòng.

4. Đối với Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Lập dự toán kinh phí chi hoạt động quản lý BHTN theo các nội dung hướng dẫn tại Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 134/2011/TT-BTC.

- Ngoài ra, căn cứ vào tình hình giải quyết thất nghiệp năm 2014, dự kiến số đối tượng giải quyết BHTN hưởng trợ cấp thất nghiệp 3 tháng, 6 tháng, số tiền giải quyết chế độ BHTN năm 2014.

5. Xây dựng phương án đầu tư tăng trưởng các quỹ bảo hiểm

- Đánh giá tình hình thực hiện Phương án đầu tư tăng trưởng các quỹ bảo hiểm năm 2014 đã được Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam phê duyệt.

- Căn cứ số tiền chênh lệch thu, chi trong năm, lập kế hoạch đầu tư tăng trưởng quỹ năm 2015, gồm: số dư nợ đầu năm (số cuối năm 2014 chuyển sang), số thu hồi trong năm bao gồm cả gốc và lãi để dự kiến số dư nợ cuối năm 2015.

- Trên cơ sở đó xây dựng phương án đầu tư các quỹ bảo hiểm năm 2015, cần đánh giá chi tiết về tình hình thực hiện phương án đầu tư năm 2014, thuyết minh cụ thể về phương án đầu tư năm 2015.

6. Mẫu biểu lập dự toán

Ngoài phần diễn giải, thuyết minh, đánh giá; số liệu xây dựng dự toán được lập theo các mẫu biểu đính kèm.

a) Các Ban nghiệp vụ lập dự toán thu, chi theo các mẫu biểu tại Thông tư số 134/2011/TT-BTC.

b) BHXH các tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an, Cục Việc làm - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ các nội dung dự toán để lập dự toán thu, chi theo các mẫu biểu sau

- Tổng hợp các chỉ tiêu dự toán thu, chi theo Biểu số 01;

- Dự toán thu, chi BHXH bắt buộc lập theo Biểu số 02;

- Dự toán thu, chi BHXH tự nguyện lập theo Biểu số 03;

- Dự toán thu, chi BHTN lập theo Biểu số 04;

- Dự toán thu, chi BHYT lập theo Biểu số 05;

- Ước thực hiện chi KCB BHYT năm 2014 và dự toán chi KCB BHYT năm 2015 theo Biểu số 06;

- Tổng hợp dự toán chi quản lý bộ máy lập theo Biểu số 07;

- Dự toán chi tiết chi quản lý bộ máy lập theo Biểu số 08.

- Dự kiến mức thu, chi BHXH, BHYT, BHTN bình quân lập theo Biểu số

09.

- Chi tiết số đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT theo Biểu số 10.

- Kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2015 lập theo Biểu số 11.
- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, trợ cấp đối với công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn lập theo Biểu số 12.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trong ngành BHXH

a) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam, Văn phòng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao đánh giá tình hình thực hiện dự toán năm 2014 và xây dựng dự toán năm 2015 gửi về Ban KHĐT, Ban TCKT *trước ngày 10/7/2014*.

b) BHXH các tỉnh hướng dẫn BHXH các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi năm 2014 và xây dựng dự toán thu, chi năm 2015; sau đó tổng hợp, xây dựng dự toán thu, chi năm 2015 của BHXH tỉnh, thuyết minh chi tiết các chỉ tiêu dự toán gửi về các Ban nghiệp vụ liên quan và Ban KHĐT *trước ngày 15/7/2014*.

c) Ban Tổ chức cán bộ: Cung cấp số liệu về biên chế cán bộ, công chức của hệ thống BHXH Việt Nam có mặt đến ngày 30/6/2014 (chi tiết số biên chế khung, số lao động hợp đồng); dự kiến biên chế năm 2014, phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu biên chế được giao, nhu cầu biên chế để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay của ngành (chi tiết cho từng đơn vị). Ban Tổ chức cán bộ cung cấp số liệu cho Ban TCKT, Ban KHĐT *trước ngày 05/7/2014*.

d) Ban Thực hiện chính sách BHXH: Phân tích đánh giá tình hình giải quyết chế độ, số người được hưởng chế độ, mức chi bình quân trên một người (chi tiết theo từng loại chế độ hưu trí, TNLĐ-BNN, tử tuất...) tính đến thời điểm 30/6/2014 (gồm cả đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và đối tượng tham gia BHXH tự nguyện; ước thực hiện việc giải quyết chế độ trong năm 2014. Trên cơ sở đó, dự kiến số người được hưởng chế độ trong năm 2015 (chi tiết theo từng loại chế độ). Ban Thực hiện chính sách BHXH cung cấp số liệu cho Ban TCKT, Ban KHĐT *trước ngày 10/7/2014*.

e) Ban Thực hiện chính sách BHYT: Phân tích, đánh giá tình hình chi KCB BHYT năm 2014, đồng thời dự báo cân đối quỹ KCB BHYT năm 2014, xác định mức độ vượt quỹ KCB và phân tích cụ thể những nguyên nhân tác động đến tình trạng vượt quỹ (chủ quan và khách quan). Phối hợp với Ban TCKT xây dựng kế hoạch, dự toán chi quỹ BHYT năm 2015, cân đối quỹ KCB BHYT năm 2015 chi tiết cho từng nhóm đối tượng, từng loại chế độ theo Biểu số 05 (phần II và phần III), Biểu số 06 kèm theo Công văn này và cung cấp các số liệu liên quan cho Ban TCKT, Ban KHĐT *trước ngày 10/7/2014*.

f) Ban Thu tổng hợp dự toán thu năm 2015 của BHXH các tỉnh, lập dự toán thu của toàn Ngành năm 2015 gửi về Ban TCKT, Ban Đầu tư quỹ, Ban KHĐT *trước ngày 10/7/2014*.

g) Ban TCKT phối hợp với các đơn vị liên quan và tổng hợp dự toán chi năm 2015 của BHXH các tỉnh, lập dự toán chi BHXH, BHYT, BHTN, chi quản

lý bộ máy của toàn Ngành năm 2015 gửi về Ban KHĐT, Ban Đầu tư quỹ *trước ngày 15/7/2014*.

h) Ban Đầu tư quỹ tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư tăng trưởng từ các quỹ chi tiết theo từng hình thức đầu tư, xây dựng phương án đầu tư quỹ năm 2015 và gửi về Ban KHĐT *trước ngày 15/7/2014*.

i) Ban KHĐT lập dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản và tổng hợp chung, chủ trì thống nhất số liệu dự toán của các Ban nghiệp vụ liên quan và hoàn chỉnh dự toán thu, chi của toàn Ngành trình Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

2. Các đơn vị ngoài ngành BHXH

- BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân lập dự toán thu, chi năm 2015 gửi về BHXH Việt Nam (Ban Thu, Ban TCKT, Ban KHĐT) *trước ngày 10/7/2014*.

- Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán chi quản lý BHTN năm 2015 (có phê duyệt của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) gửi về Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Ban TCKT và Ban KHĐT) *trước ngày 10/7/2014*.

Yêu cầu BHXH các tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam tập trung xây dựng dự toán thu, chi năm 2015 đảm bảo chất lượng, đúng yêu cầu và đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó TGD;
- Các Ban: BT, TCKT, ĐTQ, TCCB, CSYT, CSXH;
- Lưu: VT; KHĐT (3 bản).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Khương

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU DỰ TOÁN THU, CHI
Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
I	TỔNG SỐ THU							
1	Thu bảo hiểm xã hội bắt buộc							
2	Thu bảo hiểm xã hội tự nguyện							
3	Thu bảo hiểm thất nghiệp							
4	Thu bảo hiểm y tế							
II	TỔNG SỐ CHI							
1	Chi bảo hiểm xã hội bắt buộc							
	- Nguồn quỹ BHXH bảo đảm							
	- Nguồn NSNN bảo đảm							
2	Chi bảo hiểm xã hội tự nguyện							
3	Chi bảo hiểm thất nghiệp							
4	Chi khám, chữa bệnh BHYT							
5	Chi quản lý bộ máy							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BHXH BẮT BUỘC

Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
	TỔNG SỐ THU (I+II)							
I	Thu theo mức đóng quy định							
	<i>Chi tiết theo 13 nhóm đối tượng tham gia BHXH tại Biểu 10</i>							
II	Thu lãi phạt chậm đóng							
	TỔNG SỐ CHI (I+II)							
I	Nguồn NSNN bảo đảm							
1	Đóng BHYT							
2	Lương hưu, trong đó							
2.1	Lương hưu hàng tháng							
2.2	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu							
3	Công nhân cao su							
4	Mất sức lao động							
5	Trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg và Quyết định số 613/QĐ-TTg)							
6	Trợ cấp thâm niên nhà giáo theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg							
7	Trợ cấp TNLĐ- BNN							
8	Trợ cấp người phục vụ							
9	Tử tuất, trong đó:							
9.1	Tử tuất hàng tháng							
9.2	Tử tuất một lần							
10	Mai táng phí							
11	Trang cấp dụng cụ chỉnh hình							
12	Trợ cấp khu vực một lần							
13	Lệ phí chi trả							
II	Nguồn quỹ BHXH bảo đảm							
A	Quỹ ốm đau, thai sản							
1	Ốm đau							
2	Thai sản							
3	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe							
B	Quỹ tai nạn LĐ-BNN							
1	Đóng BHYT							
2	Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng							
3	Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần							
4	Trợ cấp phục vụ							
5	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe							
6	Khen thưởng đơn vị SDLĐ							
C	Quỹ hưu trí, tử tuất							
1	Đóng BHYT							
2	Lương hưu							
2.1	Lương hưu hàng tháng							
2.2	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu							

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
3	Trợ cấp BHXH một lần	(Không bao gồm trợ cấp một lần khi nghỉ hưu)						
4	Trợ cấp cán bộ xã							
5	Mai táng phí							
6	Từ tuất							
6.1	Từ tuất hàng tháng							
6.2	Từ tuất một lần							
7	Phụ cấp khu vực							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BHXH TỰ NGUYỆN
Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
I	TỔNG SỐ THU							
	Tiền đóng của đối tượng							
II	TỔNG SỐ CHI							
1	Đóng BHYT							
2	Lương hưu							
2.1	Lương hưu hàng tháng							
2.2	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu							
3	Trợ cấp một lần (không bao gồm trợ cấp một lần khi nghỉ hưu)							
4	Mai táng phí							
5	Tử tuất							
5.1	Tử tuất hàng tháng							
5.2	Tử tuất một lần							
6	Trợ cấp khu vực một lần							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
I	TỔNG SỐ THU (A+B+C)							
A	Người LĐ và NSDLĐ đóng							
	<i>Chi tiết theo 10 nhóm đối tượng tham gia BHYT tại Biểu số 10</i>		<i>Tính theo mức đóng theo chế độ quy định</i>					
B	Thu lãi phạt chậm đóng							
C	Ngân sách nhà nước hỗ trợ		<i>(Bằng 50% số thực thu theo mức đóng của NLĐ và NSDLĐ)</i>					
1	Ngân sách trung ương							
2	Ngân sách địa phương							
II	TỔNG SỐ CHI							
1	Đóng BHYT							
2	Trợ cấp thất nghiệp							
3	Hỗ trợ học nghề							
4	Tư vấn tìm việc làm							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM Y TẾ

Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
I	TỔNG SỐ THU							
1	Thu theo mức đóng quy định	(bao gồm cả phần NSNN hỗ trợ theo quy định)						
	<i>Chi tiết theo các nhóm đối tượng tham gia BHYT tại Biểu số 10 (theo từng phương án)</i>							
2	Thu lãi phạt chậm đóng							
II	TỔNG SỐ CHI							
A	Phương án 1							
1	Chi khám, chữa bệnh BHYT							
	<i>Chi tiết theo 6 nhóm đối tượng quy định tại Quyết định 82/QĐ-BHXH</i>							
2	Chi CSSK ban đầu cho HSSV							
B	Phương án 2							
1	Chi khám, chữa bệnh BHYT							
	<i>Chi tiết theo các nhóm đối tượng quy định tại Luật BHYT sửa đổi</i>							
2	Chi CSSK ban đầu cho HSSV							
III	MỘT SỐ CHỈ TIÊU SO SÁNH							
1	Dân số địa phương	(Lấy theo số liệu của ngành Thống kê)						
2	Tổng số người tham gia	(Lấy theo số tổng hợp ở Biểu số 10)						
3	Mức chi KCB bình quân/người							
4	Chi phí bình quân đợt KCB							
4.1	<i>Ngoại trú</i>							
4.2	<i>Nội trú</i>							

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI KCB BHYT NĂM 2014 VÀ DỰ TOÁN CHI KCB BHYT NĂM 2015

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Đối tượng	Số thẻ	Số thu BHYT	Quỹ KCB BHYT (90% số thu)	Chi KCB tại tỉnh (không có ĐT đến)		Đa tuyến đến		Đa tuyến đi		Dự toán chi KCB thực tế tại tỉnh	Trong đó chi KCB tại tỉnh tăng thêm do thực hiện TT 04	Dự báo cân đối thu chi KCB
					Số lượt	Số tiền	Số lượt	Số tiền	Số lượt	Số tiền			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5+7	11	12=3-5-9
A	Phương án 1												
I	Ước thực hiện BHYT năm 2014												
1	Nhóm 1												
2	Nhóm 2												
	...												
	Cộng												
II	Dự toán chi KCB BHYT năm 2015												
	Chi tiết nhóm đối tượng theo quy định hiện hành												
1	Nhóm 1												
2	Nhóm 2												
	...												
	Cộng												
B	Phương án 2												
I	Ước thực hiện BHYT năm 2014												
1	Nhóm 1												
2	Nhóm 2												
	...												
	Cộng												
II	Dự toán chi KCB BHYT năm 2015												
	Chi tiết nhóm đối tượng theo Luật BHYT sửa đổi												
1	Nhóm 1												
2	Nhóm 2												
	...												
	Cộng												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

....., ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ BỘ MÁY

Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Mục	Nội dung chi	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3:2	5	6=5-3	7=5:3
	Tổng số (I+II+III)							
I	Chi thường xuyên							
1	Tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp							
2	Chi quản lý hành chính							
II	Chi thường xuyên đặc thù							
1	Chi phục vụ công tác thu bảo hiểm							
2	Chi phục vụ công tác chi							
3	Lệ phí chuyển tiền							
4	Lệ phí chi BHXH, trợ cấp thất nghiệp							
5	In và cấp sổ BHXH, thẻ BHYT							
6	In ấn biểu mẫu, chứng từ báo cáo							
7	Tuyên truyền chính sách bảo hiểm							
8	Chi hoạt động của Hội đồng quản lý							
9	Chi vận chuyển, bảo vệ tiền							
10	Chi khác							
III	Chi không thường xuyên							
1	Chi đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ							
2	Chi nghiên cứu khoa học							
3	Sửa chữa trang t/bị, ph/tiện làm việc							
4	Mua sắm trang t/bị, ph/tiện làm việc							
5	Chi khác							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI QUẢN LÝ BỘ MÁY
Năm

Đơn vị: Triệu đồng

Mã số Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
				Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
Nhóm 0500		CHI HOẠT ĐỘNG							
Tiểu nhóm 0129		Chi thanh toán cho cá nhân							
Mục 6000	6000	Tiền lương							
Tiểu mục	6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt							
	6002	Lương tập sự, công chức dự bị							
	6003	Lương hợp đồng dài hạn							
	6049	Lương khác							
Mục 6050	6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng							
Tiểu mục	6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng							
	6099	Khác							
Mục 6100	6100	Phụ cấp lương							
Tiểu mục	6101	Phụ cấp chức vụ							
	6102	Phụ cấp khu vực							
	6103	Phụ cấp thu hút							
	6104	Phụ cấp đất đỏ							
	6105	Phụ cấp làm đêm							
	6106	Phụ cấp thêm giờ							
	6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm							
	6108	Phụ cấp lưu động							
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc							
	6114	Phụ cấp trực							
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề							
	6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành							
	6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung							
	6118	Phụ cấp kiêm nhiệm							
	6121	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn							
	6149	Khác (phụ cấp cấp uỷ, quản lý hồ sơ...)							
Mục 6150	6150	Học bổng học sinh, sinh viên							
Tiểu mục	6155	Sinh hoạt phí cán bộ đi học							
	6199	Khác							
Mục 6200	6200	Tiền thưởng							
	6201	Thưởng thường xuyên theo định mức							
	6202	Thưởng đột xuất theo định mức							
	6203	Các chi phí khác theo chế độ liên quan đến công tác khen thưởng							
	6249	Khác							
Mục 6250	6250	Phúc lợi tập thể							
Tiểu mục	6251	Trợ cấp khó khăn thường xuyên							
	6252	Trợ cấp khó khăn đột xuất							
	6253	Tiền tàu xe nghỉ phép năm							

	6254	Tiền thuốc y tế trong cơ quan, đơn vị							
	6256	Tiền khám bệnh định kỳ							
	6257	Tiền nước uống							
	6299	Các khoản khác							
Mục 6300	6300	Các khoản đóng góp							
Tiểu mục	6301	Bảo hiểm xã hội							
	6302	Bảo hiểm y tế							
	6303	Kinh phí công đoàn							
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp							
	6349	Khác							
Mục 6400	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân							
Tiểu mục	6401	Tiền ăn							
	6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ (<i>tiền lương bổ sung</i>)							
	6449	Trợ cấp, phụ cấp khác							
Tiểu nhóm 0130	0130	Chi về hàng hoá, dịch vụ							
Mục 6500	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng							
Tiểu mục	6501	Thanh toán tiền điện							
	6502	Thanh toán tiền nước							
	6503	Thanh toán tiền nhiên liệu							
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường							
	6505	Thanh toán khoán phương tiện theo chế độ							
	6549	Khác							
Mục 6550	6550	Vật tư văn phòng							
Tiểu mục	6551	Văn phòng phẩm							
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng							
	6553	Khoán văn phòng phẩm							
	6599	Vật tư văn phòng khác							
Mục 6600	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc							
Tiểu mục	6601	Cước phí điện thoại trong nước							
	6602	Cước phí điện thoại quốc tế							
	6603	Cước phí bưu chính							
	6604	Fax							
	6606	Tuyên truyền							
	6607	Quảng cáo							
	6608	Phim ảnh							
	6611	Ấn phẩm truyền thông (báo, tạp chí của ngành)							
	6612	Sách, báo, tạp chí thư viện							
	6617	Cước phí Internet, thư viện điện tử							
	6618	Khoán điện thoại							
	6649	Khác							
Mục 6650	6650	Hội nghị							
Tiểu mục	6651	In, mua tài liệu							
	6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên							
	6653	Tiền vé máy bay, tàu, xe							
	6654	Tiền thuê phòng ngủ							
	6655	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển							
	6656	Thuê phiên dịch, biên dịch phục vụ hội nghị							
	6657	Các khoản thuê mướn khác phục vụ hội nghị							
	6658	Chi bù tiền ăn							
	6699	Chi phí khác							

Mục 6700	6700	Công tác phí							
Tiểu mục	6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe							
	6702	Phụ cấp công tác phí							
	6703	Tiền thuê phòng ngủ							
	6704	Khoản công tác phí							
	6749	Khác							
Mục 6750	6750	Chi phí thuê mướn							
Tiểu mục	6751	Thuê phương tiện vận chuyển							
	6752	Thuê nhà							
	6753	Thuê đất							
	6754	Thuê thiết bị các loại							
	6755	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài							
	6756	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước							
	6757	Thuê lao động trong nước. Không bao gồm: <i>Thuê lao động theo hợp đồng thường xuyên - đã hạch toán ở Mục 6050; thuê lao động trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn - đã hạch toán ở Tiểu mục 7012</i>							
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ							
	6761	Thuê phiên dịch, biên dịch							
	6799	Chi phí thuê mướn khác							
Mục 6800	6800	Chi đoàn ra							
Tiểu mục	6801	Tiền vé máy bay, tàu, xe (bao gồm cả thuê phương tiện đi lại)							
	6802	Tiền ăn							
	6803	Tiền ở							
	6804	Tiền tiêu vật							
	6805	Phí, lệ phí liên quan							
	6806	Khoản chi đoàn ra theo chế độ							
	6849	Khác							
Mục 6850	6850	Chi đoàn vào							
	6851	Tiền vé máy bay, tàu, xe (bao gồm cả thuê phương tiện đi lại)							
	6852	Tiền ăn							
	6853	Tiền ở							
	6854	Tiền tiêu vật							
	6855	Phí, lệ phí liên quan							
	6856	Khoản chi đoàn vào theo chế độ							
	6899	Khác							
Mục 6900	6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên							
Tiểu mục	6902	Ô tô con, ô tô tải							
	6904	Tàu, thuyền							
	6906	Điều hoà nhiệt độ							
	6907	Nhà cửa							
	6908	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy							
	6911	Sách, tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn							
	6912	Thiết bị tin học							
	6913	Máy photocopy							
	6914	Máy fax							
	6915	Máy phát điện							

		6916	Máy bơm nước								
		6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính								
		6921	Đường điện, cấp thoát nước								
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác								
Mục 7000		7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành								
Tiểu mục		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành								
		7003	Chi mua, in ấn, phô tô tài liệu chi dùng cho chuyên môn của ngành								
		7004	Đồng phục, trang phục								
		7005	Bảo hộ lao động								
		7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành (không phải là tài sản cố định)								
		7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn								
		7013	Chi trả nhuận bút theo chế độ								
		7014	Chi phí nghiệp vụ bảo quản theo chế độ								
		7015	Chi hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật								
		7017	Chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học theo chế độ quy định								
		7049	Chi phí khác								
Tiểu nhóm 0132		0132	Các khoản chi khác								
Mục 7750		7750	Chi khác								
Tiểu mục		7751	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ ngân sách nhà nước								
		7752	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn								
		7754	Chi khắc phục hậu quả thiên tai cho các đơn vị dự toán								
		7756	Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị dự toán								
		7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện của các đơn vị dự toán								
		7758	Chi hỗ trợ khác								
		7761	Chi tiếp khách								
		7763	Chi bồi thường thiệt hại cho công chức, viên chức nhà nước gây ra theo chế độ quy định								
		7799	Các khoản chi khác								
Mục 7850		7850	Chi công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và cấp trên cơ sở								
Tiểu mục		7851	Chi mua báo, tạp chí của Đảng								
		7852	Chi tổ chức đại hội Đảng								
		7853	Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng								
		7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền liên lạc; chi đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng...và các chi phí Đảng								
		7899	Khác								
			Mục 7850 dùng để hạch toán kinh phí cho các chi bộ cơ sở, Đảng bộ cơ sở ở xã, phường, thị trấn; chi bộ cơ sở, Đảng bộ cơ sở và các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức; tổ chức Đảng cấp trên cơ sở theo chế độ quy định								
Mục 7950		7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu								

Tiểu mục	7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập của cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ và của đơn vị sự nghiệp công lập							
	7953	Chi lập quỹ khen thưởng phúc lợi của đơn vị sự nghiệp							
	7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp							
	7999	Khác							
NHÓM 0600		CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
Tiểu nhóm 0135		Chi hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các quỹ và đầu tư vào tài sản							
Mục 9000	9000	Mua, đầu tư tài sản vô hình							
Tiểu mục	9001	Mua bằng sáng chế							
	9002	Mua bản quyền nhãn hiệu thương mại							
	9003	Mua phần mềm máy tính							
	9004	Đầu tư, xây dựng phần mềm máy tính							
	9049	Khác							
Mục 9050	9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn							
Tiểu mục	9052	Ô tô con, ô tô tải							
	9054	Tàu, thuyền							
	9056	Điều hoà nhiệt độ							
	9057	Nhà cửa							
	9058	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy							
	9061	Sách, tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn							
	9062	Thiết bị tin học							
	9063	Máy photocopy							
	9064	Máy fax							
	9065	Máy phát điện							
	9066	Máy bơm nước							
	9099	Tài sản khác							
Mục 9100	9100	Sửa chữa tài sản phục vụ chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí đầu tư							
Tiểu mục	9102	Ô tô con, ô tô tải							
	9104	Tàu, thuyền							
	9106	Điều hoà nhiệt độ							
	9107	Nhà cửa							
	9108	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy							
	9111	Sách, tài liệu và chế độ dùng cho công tác chuyên môn							
	9112	Thiết bị tin học							
	9113	Máy photocopy							
	9114	Máy fax							
	9115	Máy phát điện							
	9116	Máy bơm nước							
	9117	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính							
	9121	Đường điện, cấp thoát nước							
	9149	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 09

Năm

[illegible]

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN, BHYT
Năm

Đơn vị: Người, lượt người

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
	Phần I: ĐỐI TƯỢNG THU							
I	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT							
A	Phương án 1							
	Chi tiết đối tượng theo Thông tư 134/2011/TT-BTC							
B	Phương án 2							
	Chi tiết đối tượng theo quy định tại Luật BHYT sửa đổi							
II	THAM GIA BHXH BẮT BUỘC							
1	Doanh nghiệp nhà nước							
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài							
3	DN ngoài quốc doanh							
4	HCSN, đảng, đoàn thể, LLVT							
5	Khối xã, phường, thị trấn							
6	Tổ chức nước ngoài, quốc tế							
7	Hợp tác xã							
8	Ngoài công lập							
9	Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác							
10	Tổ chức, cá nhân khác							
11	LE có thời hạn ở nước ngoài							
12	Phu nhân, phu quân							
13	Đối tượng tự đóng							
III	THAM GIA BHXH TỰ NGUYỆN							
IV	THAM GIA BH THẤT NGHIỆP							
1	Doanh nghiệp nhà nước							
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài							
3	DN ngoài quốc doanh							
4	HCSN, đảng, đoàn thể, LLVT							
5	Khối xã, phường, thị trấn							
6	Tổ chức nước ngoài, quốc tế							
7	Hợp tác xã							
8	Ngoài công lập							
9	Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác							
10	Tổ chức, cá nhân khác							
	Phần II: ĐỐI TƯỢNG CHI							
I	CHI BHXH BẮT BUỘC							
A	Nguồn NSNN bảo đảm							
1	Lương hưu							
1.1	Lương hưu hàng tháng							
1.2	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu							
2	Công nhân cao su							
3	Mất sức lao động							
4	Trợ cấp hàng tháng							
5	Trợ cấp TNLĐ- BNN							

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014			Dự kiến năm 2015	Năm 2015 so ước thực hiện năm 2014	
			Dự toán được giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ %		Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3: 2	5	6=5-3	7=5:3
6	Trợ cấp người phục vụ							
7	Trợ cấp thâm niên nhà giáo theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg							
8	Từ tuất							
8.1	Từ tuất hàng tháng							
8.2	Từ tuất một lần							
9	Mai táng phí							
	Trong đó: Trợ cấp khu vực							
B	Nguồn quỹ BHXH bảo đảm							
1	Quỹ ốm đau, thai sản	(Luợt người)						
	Ốm đau							
	Thai sản							
	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe							
2	Quỹ tai nạn LĐ-BNN							
	TNLD-BNN hàng tháng							
	TNLD-BNN một lần							
	Trợ cấp phục vụ							
	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe							
3	Quỹ hưu trí, từ tuất							
	Lương hưu							
	Trợ cấp BHXH một lần	(Chỉ tính đối tượng không đủ điều kiện hưởng lương hưu)						
	Trợ cấp cán bộ xã							
	Mai táng phí							
	Từ tuất							
	Trong đó: Trợ cấp khu vực							
II	CHI BHXH TỰ NGUYỆN							
1	Hưu trí							
2	Trợ cấp một lần							
3	Mai táng phí							
4	Trợ cấp tuất							
	Trợ cấp khu vực một lần							
III	CHI BH THẤT NGHIỆP							
1	Trợ cấp thất nghiệp							
1.1	Trợ cấp thất nghiệp 3 tháng							
1.2	Trợ cấp thất nghiệp 6 tháng							
2	Hỗ trợ học nghề							
3	Tư vấn tìm việc làm							
IV	Chi KCB BHYT							
A	Phương án 1							
	Chi tiết theo các nhóm đối tượng tại Quyết định số 82/QĐ-BHXH							
B	Phương án 2							
	Chi tiết theo các nhóm đối tượng quy định tại Luật BHYT sửa đổi							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
Năm

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế (m2)	Địa điểm mở tài khoản	Tổng mức đầu tư		Tổng dự toán		Số vốn đã thanh toán từ khởi công đến năm N-2	Ước số vốn thanh toán đến năm N-1	Kế hoạch vốn năm N
							Tổng số	Dự phòng	Tổng số	Dự phòng			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Vốn chuẩn bị đầu tư												
II	Vốn thực hiện đầu tư												
1	Dự án chuyển tiếp												
	...												
2	Dự án khởi công mới												
	...												
	Tổng cộng												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÔNG TÁC Ở VÙNG CÓ ĐIỀU
KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
Năm

Số TT	Họ và tên	Thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	Tổng hệ số lương được hưởng		Mức lương tối thiểu chung theo quy định		Phụ cấp thu hút		Phụ cấp công tác lưu năm		Trợ cấp lần đầu và trợ cấp chuyển vùng		Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch				Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và khi nghỉ hưu		Thanh toán tiền tàu xe (không quá 3 tháng)	Trợ cấp thâm quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ						Tổng phụ cấp và các khoản trợ cấp									
			Tổng công	Hệ số lương ngạch bậc	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Từ tháng.../...đến tháng.../...	Từ tháng.../...đến tháng.../...	Tổng công	Từ tháng.../...đến tháng.../...	Từ tháng.../...đến tháng.../...	Mức phụ cấp được hưởng (0,5/0,7/1,0)	Từ tháng.../...đến tháng.../...	Từ tháng.../...đến tháng.../...	Tổng số tiền	Trợ cấp lần đầu	Trợ cấp chuyển vùng	Trợ cấp tiền tàu xe, cước hành lý cho các thành viên trong gia đình		Tổng số tiền	Số tháng thiếu nước ngọt và sạch trong năm	Định mức tiền chuẩn (6m3/n người/tháng)	Chi phí mua và vận chuyển 1 m3 nước ngọt và sạch	Giá nước ngọt và sạch để tính chi phí nước ngọt và sạch trong tiền lương	Mức lương tối thiểu tại thời điểm chuyển công tác hoặc nghỉ hưu		Tổng số tiền	Tổng số tiền	Tiền mua tài liệu	Tiền học phí	Chi phí đi lại	Tiền thưởng chức vụ	Phụ cấp lưu trú	Tự học chủ viết và tổng dán tập ít người	
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9=70% x7x số tháng làm việc trong giai đoạn này	10=70% x2x7x số tháng làm việc trong giai đoạn này	11=13+14	12	13=12x xSố tháng làm việc trong giai đoạn này	14=12x7 xSố tháng làm việc trong giai đoạn này	15=16+17+18	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27=28+...+33	28	29	30	31	32	33	34=8+11+15+19+26+27
Tổng cộng (I+II...)																																			
I	Huyện...																																		
1	Nguyễn Văn A																																		
2	Nguyễn Văn B																																		
...																																			
II	Huyện...																																		
1	Nguyễn Văn C																																		
...																																			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng TCHC
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng KHTC
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)